

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/DS-ST

Ngày: 12/7/2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Đặng Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp Hợp vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp KB1, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp K, xã KA, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn X trình bày, Giữa tôi và bà Th là người làng xóm, không có quan hệ bà con. Bà Th có vay tiền của tôi. Thỏa thuận vay giữa ông với bà Th không thành lập hợp đồng hay văn bản nào.

Ngày 07/8/2017 (âm lịch) bà Th có nhờ tôi vay dùm 100.000.000 đồng. Sau đó, tôi đã đưa 100.000.000 đồng ngày 07/8/2017 (âm lịch), khi đưa tiền không làm giấy giao nhận. Có thỏa thuận lãi là 3%/tháng, bà Th hứa khi hết hạn

bà Th sẽ trả, nhưng đến nay bà Th chỉ trả được 50.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 07/4/2020, tiền lãi thì bà Th đã đóng từ tháng 9/2017 đến tháng 4/2020 là 30 tháng với số tiền 90.000.000 đồng, từ tháng 5/2020 đến nay, bà Th không trả tiền lãi và tiền gốc 50.000.000 đồng.

Nay ông X xác nhận lại, đối với khoản vay này, sau khi căn trừ số tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà Th còn nợ lại ông 10.000.000 đồng.

Ngày 20/11/2018, bà Th tiếp tục nhờ tôi hỏi vay dùm số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để bà Th sử dụng vào công việc của bà Th. Sau đó, tôi đưa cho bà Th số tiền 100.000.000 đồng ngày 20/11/2018, khi đưa tiền không làm giấy giao nhận, bà Th nói mục đích vay để cho người khác vay lại để lấy lãi, khi vay giữa tôi và bà Th thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng; từ tháng 12/2018 đến tháng 4/2021, bà Th đã trả lãi 28 tháng với số tiền 84.000.000 đồng. Từ tháng 5/2021 đến nay bà Th không trả tiền lãi và tiền gốc cho tôi. Nay tôi xác định số tiền vay này, bà Th còn nợ lại tôi là 62.666.666 đồng.

Tổng cả hai lần vay, bà Th còn nợ lại tôi số tiền 72.666.666 đồng.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2022, tôi có yêu cầu bà Th trả cho tôi số tiền vay là 150.000.000 đồng. Nay tôi xác nhận lại yêu cầu của tôi là: Tôi yêu cầu bà Th trả cho tôi số tiền vay 72.666.666 đồng. Tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 77.333.334 đồng. Tôi không yêu cầu tính tiền lãi và yêu cầu bà Th trả một lần.

- *Bị đơn bà Lê Thị Th, trình bày*, bà thừa nhận có vay tiền của ông X như lời trình bày của ông X và còn thiếu nợ ông X. Nay ông X yêu cầu tôi trả số tiền 72.666.666 đồng thì tôi đồng ý trả. Tuy nhiên, do hoàn cảnh đau ốm nên tôi xin trả hàng tháng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn X trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

Ông X xác định, số tiền bà Th còn vay của ông với số tiền là 72.666.6666 đồng, ông yêu cầu bà Th trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Lê Thị Th xác định các tài liệu chứng cứ đã giao nộp là đúng, không có tài liệu chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án, cũng như không có yêu cầu khác để chứng minh cho quyền, nghĩa vụ của mình.

Bà Th thống nhất, quá trình vay có trả lãi cho ông X, nhưng bà không ghi lại, nên không nhớ chính xác số lần trả lãi cho ông X, việc ông X khai số lần bà trả lãi mặc dù chưa chính xác theo trí nhớ của bà, nhưng bà thừa nhận là đúng, thống nhất đến nay còn vay ông X số tiền là 72.666.6666 đồng, nhưng bà đề nghị trả dần hàng tháng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do quen biết và tin tưởng nên ông Nguyễn Văn X có vay tiền giúp bà Lê Thị Th, cụ thể: Ngày 07/8/2017, vay 100.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, đã trả vốn 50.000.000 đồng, trả lãi 90.000.000 đồng, sau khi khấu trừ lãi theo quy định, bà Th còn nợ 10.000.000 đồng; ngày 20/11/2018, vay tiếp 100.000.000 đồng, đã trả lãi 84.000.000 đồng, sau khi khấu trừ lãi theo quy định, bà Th còn nợ 62.666.666 đồng, tổng 02 khoản vay, bà Th còn 72.666.666 đồng. Nay, ông X yêu cầu bà Th trả số tiền 72.666.666 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 77.333.334 đồng.

Phía bà Th thống nhất còn nợ ông X 72.666.666 đồng, xin trả dần hàng tháng do điều kiện khó khăn.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông X, bà Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, tuy hai bên không giao kết bằng văn bản nhưng tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An và Tòa án bà Th thừa nhận có nợ ông X với tổng số tiền 72.666.666 đồng, do bà Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc ông X khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất, do ông X không yêu cầu nên không đề cập đến. Đối với số tiền 77.333.334 đồng do ông X đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng, bà Th có yêu cầu xin trả dần hàng tháng do điều kiện khó khăn nhưng không được ông X đồng ý nên không xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X.
- Buộc bà Lê Thị Th trả ông Nguyễn Văn X 72.666.666 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với số tiền 77.333.334 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn X và bà Lê Thị Th hiện đang cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, bà Th thừa nhận có vay tiền của ông Th, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản

1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông X cho rằng, có cho bà Th vay số tiền 200.000.000đồng làm nhiều lần, khi vay mặc dù không làm văn bản, nhưng giữa ông X với bà Th có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, đối với các khoản vay ngày 07/8/2017 (âm lịch) và ngày 20/11/2018. Theo đó, quá trình vay bà Th đã thực hiện đóng lãi cho các khoản vay với tổng số tiền là 77.333.334 đồng và trả được một phần nợ gốc tại khoản vay ngày 07/8/2017 (âm lịch) với số tiền là 50.000.000đồng, nên bà Th chỉ còn nợ ông tổng số tiền là 150.000.000đồng. Do bà Th đã đóng lãi toàn đối với 02 khoản vay; nên ông X đồng ý khấu trừ toàn bộ số tiền lãi mà bà Th đã đóng tại 02 khoản vay với số tiền là 77.333.334 đồng và chỉ còn yêu cầu bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 72.666.666đồng, bà Th cũng công nhận đến nay còn nợ ông X số tiền này.

Như vậy, mặc dù giữa ông X, bà Th khi giao kết hợp đồng vay không lập thành văn bản, nhưng tại văn bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa bà Th đều thừa nhận có vay ông X tiền đúng như ông X đã trình bày, việc bà Th thừa nhận là phù hợp với lời khai của ông X, nên đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, quan hệ vay giữa ông X bà Th là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội, bà Th công nhận nợ ông X là đúng, nên việc ông X khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án ông X rút một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông X với số tiền 77.333.334 đồng, theo quy định tại Điều 217, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X, buộc bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông X số tiền là 72.666.666đồng, do ông X không yêu cầu tính lãi, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Về án dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X được chấp nhận, nên ông X được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Lê Thị Th phải chịu án phí tương ứng với số tiền 72.666.666đồng, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 217, 244, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn X đối với bị đơn bà Lê Thị Th;

- Buộc bà Lê Thị Th phải trả ông Nguyễn Văn X số tiền 72.666.666đồng (bảy mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với số tiền 77.333.334 đồng (bảy mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn X được nhận lại số tiền 3.750.000đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0004681 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

- Bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 3.633.333 đồng (ba triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng), bà Th phải có nghĩa vụ nộp án phí tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn X, bà Lê Thị Th có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên